

TCVN ***-3:201***

BẢN VẼ XÂY DỰNG - KÝ HIỆU TRÊN BẢN VẼ

**PHẦN 3: KÝ HIỆU TRÊN BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG VÀ
MẶT BẰNG**

Construction Drawings - Simplified representation on drawings -

Part 3: Conventional symbols on drawings of master plan and construction plan

Mục lục

	Trang
1 Phạm vi áp dụng	5
2 Ký hiệu quy ước.....	5

Lời nói đầu

TCVN *****-3:2022 thay thế TCVN 4607:2012 và 4609:1988.

TCVN *****-3:2022 do Viện Kiến trúc Quốc gia biên soạn, Bộ Xây dựng đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Bản vẽ xây dựng - Ký hiệu trên bản vẽ -

Phần 3: Ký hiệu trên bản vẽ tổng mặt bằng và mặt bằng

Construction Drawings - Simplified representation on drawings -

Part 3: Conventional symbols on drawings of master plan and construction plan

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định những ký hiệu quy ước thể hiện bản vẽ tổng mặt bằng và mặt bằng thi công.

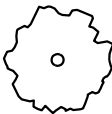
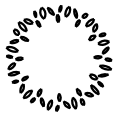
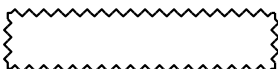
2 Ký hiệu quy ước

2.1 Ký hiệu trên bản vẽ tổng mặt bằng

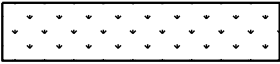
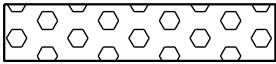
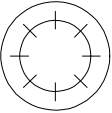
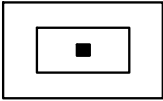
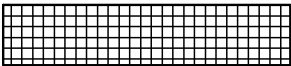
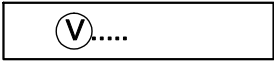
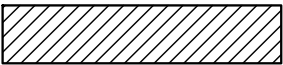
Các ký hiệu quy ước thể hiện bản vẽ tổng mặt bằng được quy định trong Bảng 1.

CHÚ THÍCH: Trường hợp sử dụng các ký hiệu không có trong Bảng 1 phải chú thích trên bản vẽ.

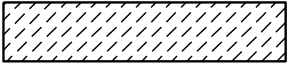
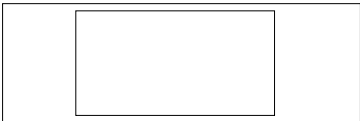
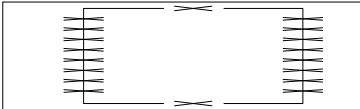
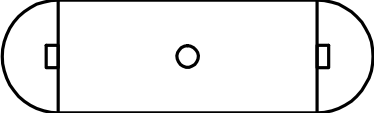
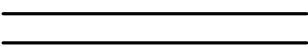
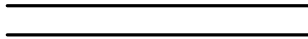
Bảng 1 - Các ký hiệu quy ước trên bản vẽ tổng mặt bằng

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
1 Cây có tán, ký hiệu chung trên mặt bằng		
2 Cây cảnh trang trí, ký hiệu chung trên mặt bằng		
3 Bụi cây, hàng rào cây		

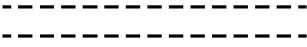
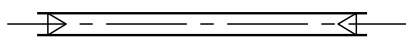
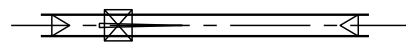
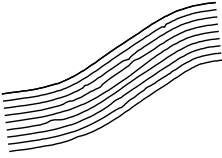
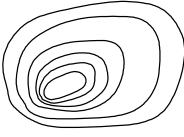
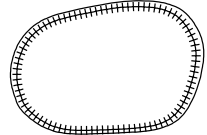
Bảng 1 (tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
4 Thảm cỏ		
5 Đường đi lát đá		
6 Ghế đá		
7 Bể phun nước		
8 Tượng đài		
9 Quảng trường		
10 Nhà hay công trình mới thiết kế		Đường bao quanh hình vẽ bằng nét liền đậm. Số thứ tự của công trình ghi bằng số La Mã ngay chính giữa trong một vòng tròn nhỏ. Số tầng của công trình ghi bằng chữ số Ả Rập ngay cạnh vòng tròn hoặc bằng các dấu chấm
11 Nhà hay công trình hiện có, giữ lại		Các đường gạch chéo được thể hiện bằng nét liền mảnh. Gạch chéo cách nhau 3 mm.

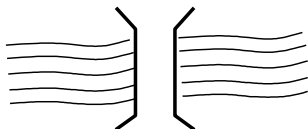
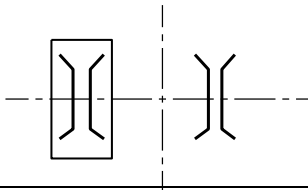
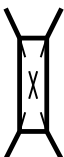
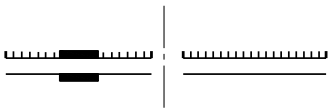
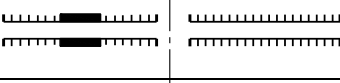
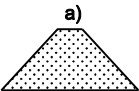
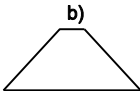
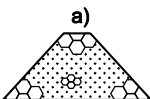
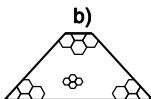
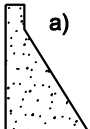
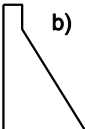
Bảng 1 (tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
12 Nhà hay công trình hiện có cần sửa chữa		Các đường gạch chéo được thể hiện bằng nét đứt mảnh. Gạch chéo cách nhau 3 mm.
13 Nhà hay công trình đặt ngầm dưới đất		
14 Nhà tạm dùng cho thi công, sẽ dỡ bỏ		
15 Nhà hay công trình hiện có cần dỡ bỏ		
16 Khu vực đất để mở rộng công trình		Nét gạch chấm đậm
17 Sân vận động		Trên bản vẽ tỷ lệ 1:5 000. Trường hợp bản vẽ có tỷ lệ lớn hơn 1:5 000 phải thể hiện chi tiết
18 Sân bãi chứa vật liệu ngoài trời		
19 Đường ô tô		Ký hiệu này cũng quy ước thể hiện đường vĩnh cửu đã làm xong
a) Đường dự định xây dựng		
b) Đường hiện có		

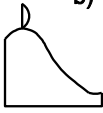
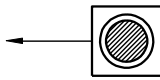
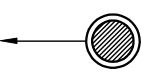
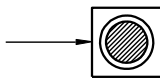
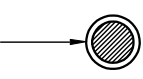
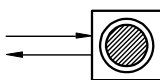
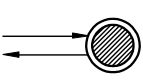
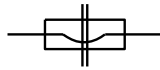
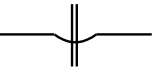
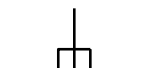
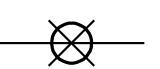
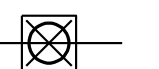
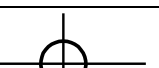
Bảng 1 (tiếp theo)

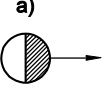
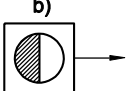
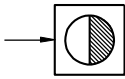
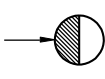
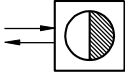
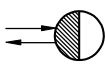
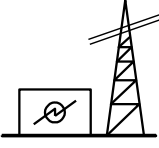
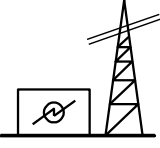
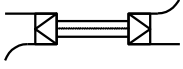
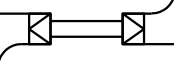
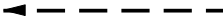
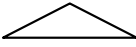
Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
c) Đường tạm thời		
20 Đường sắt		
a) Đường cỡ tiêu chuẩn hiện có		
b) Đường cỡ tiêu chuẩn dự định xây dựng		
21 Đường cần trục		
22 Đường cần trục và cần trục tháp		
23 Sông ngòi thiên nhiên		
24 Hồ ao		
a) Hồ ao thiên nhiên		
b) Hồ ao nhân tạo		
25 Kênh		
a) Hiện có		

Bảng 1 (tiếp theo)

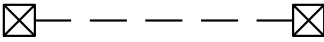
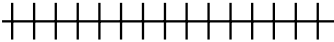
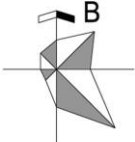
Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
b) Dự định xây dựng		
26 Cầu qua sông		
27 Cầu qua kênh		
28 Cầu cạn		
29 Bờ vùng		
30 Đê		
31 Mái dốc (taluy)		
32 Đập đất	 	a) Ký hiệu cho công trình dự kiến xây dựng; b) Ký hiệu cho công trình hiện có.
33 Đập đá đổ	 	
34 Đập bê tông	 	

Bảng 1 (tiếp theo)

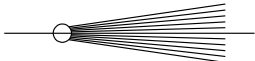
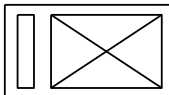
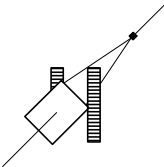
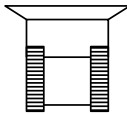
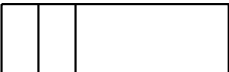
Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
35 Đập tràn có cửa van	 	a) Ký hiệu cho công trình dự kiến xây dựng; b) Ký hiệu cho công trình hiện có.
36 Cổng đầu mối		
a) Cổng tưới	 	
b) Cổng tiêu	 	
c) Cổng tưới tiêu kết hợp	 	
37 Cổng luồn dưới đường	 	
38 Cổng luồn dưới kênh	 	
39 Cổng điều tiết trên kênh	 	
40 Cổng lấy nước trên kênh	 	
41 Cổng tiêu nước dưới kênh	 	

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
42 Trạm bơm		
a) Tưới	 	
b) Tiêu	 	
c) Tưới tiêu kết hợp	 	
43 Trạm thủy điện	 	
44 Âu tàu	 	
45 Công trình thả cá	 	
46 Mũi tên chỉ hướng thi công	 	Mũi tên tô đen, góc nhọn đầu mũi tên bằng 60°
47 Mũi tên chỉ cổng ra vào	 	Mũi tên có thể tô đen hay để trắng, đầu mũi tên được thể hiện bằng góc vuông 90° hoặc góc tù 120°

Bảng 1 (Tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
48 Cổng		
49 Hàng rào tạm		
50 Hàng rào cố định		
51 Hoa gió trên mặt bằng		
52 Hướng trên bản đồ trắc địa		
53 Đường điện cao thế		
a) Nổi		
b) Ngầm		
54 Đường điện hạ thế		
a) Nổi		
b) Ngầm		
55 Đường điện thoại		

Bảng 1 (Kết thúc)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
56 Trạm biến thế tạm thời		
57 Đèn pha (dùng cho thi công)		
58 Máy vận chuyển lên cao		
59 Trạm trộn bê tông (máy)		
60 Máy đào đất		
61 Máy ủi đất		
62 Ô tô vận chuyển		

2.2 Ký hiệu trên bản vẽ mặt bằng

2.2.1 Các ký hiệu quy ước thể hiện bản vẽ mặt bằng phải được thể hiện đúng theo tỷ lệ của mặt bằng.

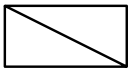
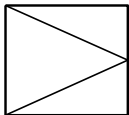
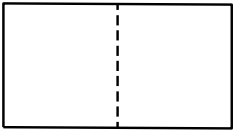
2.2.2 Các ký hiệu đều được thể hiện bằng nét liền, trong mọi trường hợp.

CHÚ THÍCH: Các đồ dùng chiếm diện tích tạm thời hoặc đặt phía trên trên mặt phẳng cắt được phép thể hiện bằng nét chấm gạch.

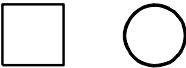
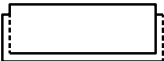
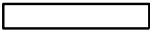
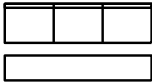
2.2.3 Các ký hiệu quy ước thể hiện bản vẽ mặt bằng được quy định trong Bảng 2.

CHÚ THÍCH: Trường hợp sử dụng các ký hiệu không có trong Bảng 1 phải chú thích trên bản vẽ.

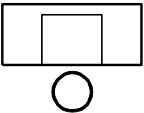
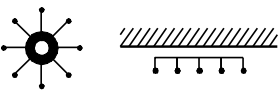
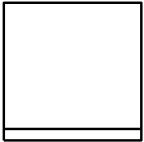
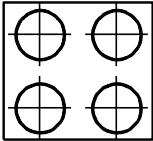
Bảng 2 - Các ký hiệu quy ước trên bản vẽ mặt bằng

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
1 Giường đơn		
2 Giường đôi		
3 Giường trẻ em		
4 Tủ để đầu giường		
5 Bàn nước	 a) 	
6 Bàn viết		
7 Bàn bóng bàn	 c)	

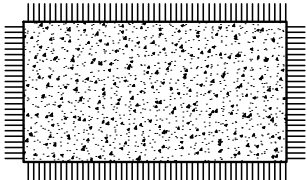
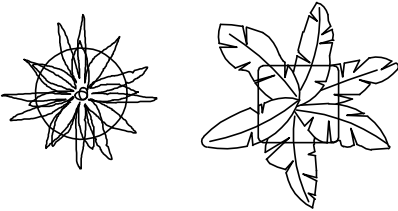
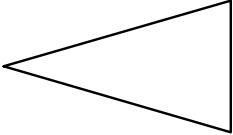
Bảng 2 (Tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
8 Ghế tựa		
9 Ghế đầu		
10 Ghế bành		
11 Đai văng		
12 Ghế băng có tựa		
13 Ghế băng không có tựa		
14 Bàn ghế học sinh		
15 Tủ		

Bảng 2 (Tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
16 Bàn trang điểm		
17 Gương soi		
18 Giá để giày dép		
19 Giá treo mũ áo		
20 Đàn piano		
21 Bình phong		
22 Tủ lạnh		
23 Bếp		

Bảng 2 (Kết thúc)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
24 Thảm		
25 Chậu cây cảnh		
26 Chỗ để oto		
27 Chỗ để xe máy, xe đạp	